

Thuốc ức chế men chuyển đổi u trĩ tăng huyết áp làm tăng nguy cơ ung thư phổi?

Viết bởi Biên tập viên

Thứ bảy, 27 Tháng 10 2018 21:41 - Lần cập nhật cuối Thứ bảy, 27 Tháng 10 2018 21:49

Bs Nguyễn Lữ ng Quang - Khoa Nội TM

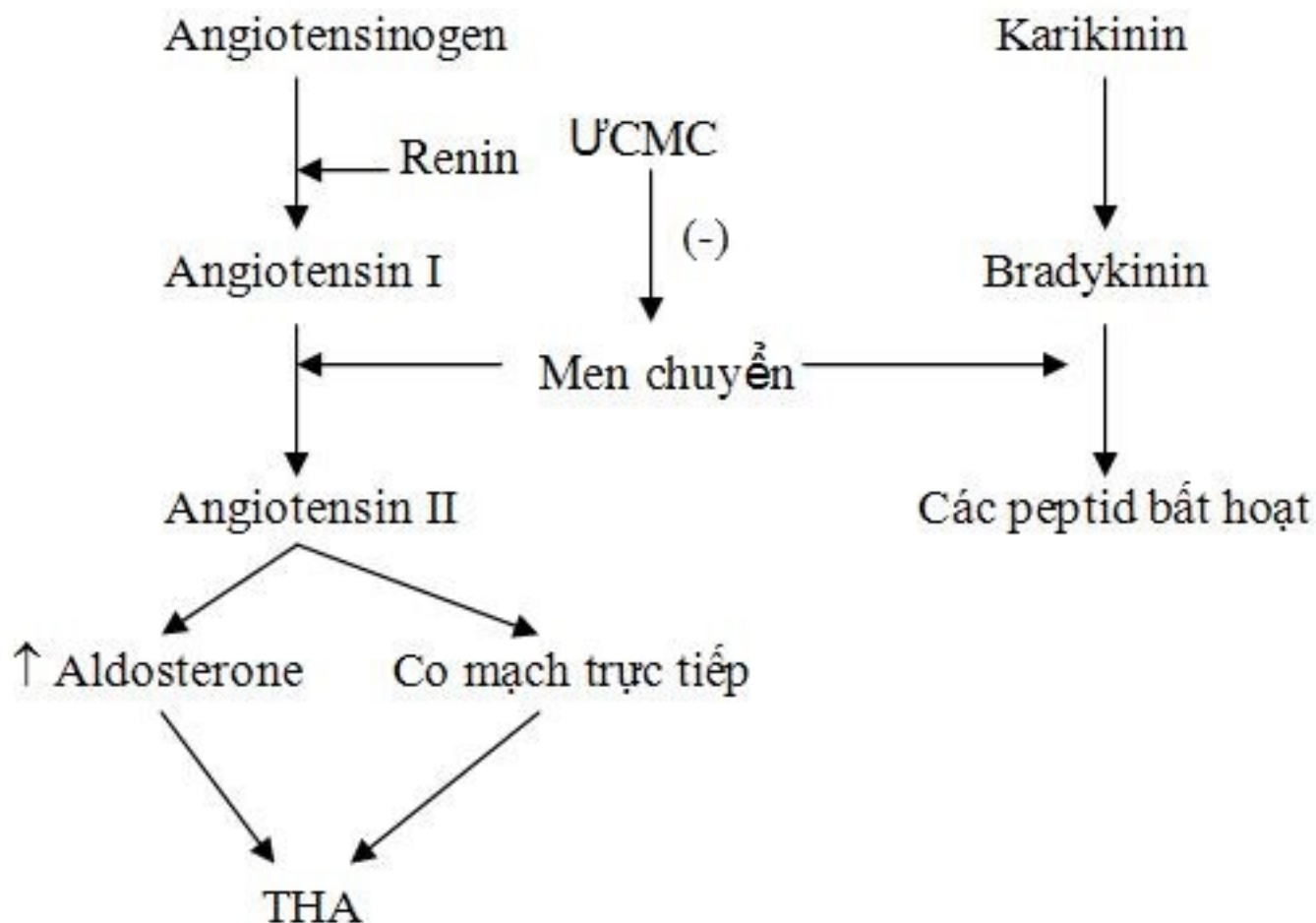
Hơn 3 thập niên kể từ khi Captopril là một thuốc ức chế men chuyển đổi u tiên được đưa vào điều trị trên lâm sàng, ngày nay các thuốc ức chế men chuyển vĩn được xem là lựa chọn hàng đầu để điều trị các bệnh tim mạch như tăng huyết áp, suy tim... Guideline 2018 của Hội Tim mạch Châu Âu (ESC) điều trị THA vĩn chọn UCMC hoặc ức chế thụ thể angiotenin vĩi mức khuyến cáo IA, được biết cho bệnh nhân THA kèm đái tháo đường, bệnh thận mạn...Tuy nhiên gần đây, có sự hoài nghi liệu UCMC có tăng nguy cơ gây ung thư trong đó có ung thư phổi? Một số bằng chứng sinh học cho thấy mối liên hệ giữa UCMC và nguy cơ ung thư phổi. Việc sử dụng các UCMC gây ra sự tích tụ bradykinin trong phổi, kích thích sự phát triển của ung thư phổi. Sự dùng UCMC cũng dẫn đến tích tụ chất P.45, được biết u hiĩn trong mô ung thư phổi và có liên quan đến sự tăng sinh khối u và tăng sinh mạch.

Sự dĩ tác dĩng hĩ huyết áp của thuốc UCMC

Thuốc ức chế men chuyển dẫn đến tăng huyết áp làm tăng nguy cơ ung thư phổi?

Viết bởi Biên tập viên

Thứ bảy, 27 Tháng 10 2018 21:41 - Lần cập nhật cuối Thứ bảy, 27 Tháng 10 2018 21:49

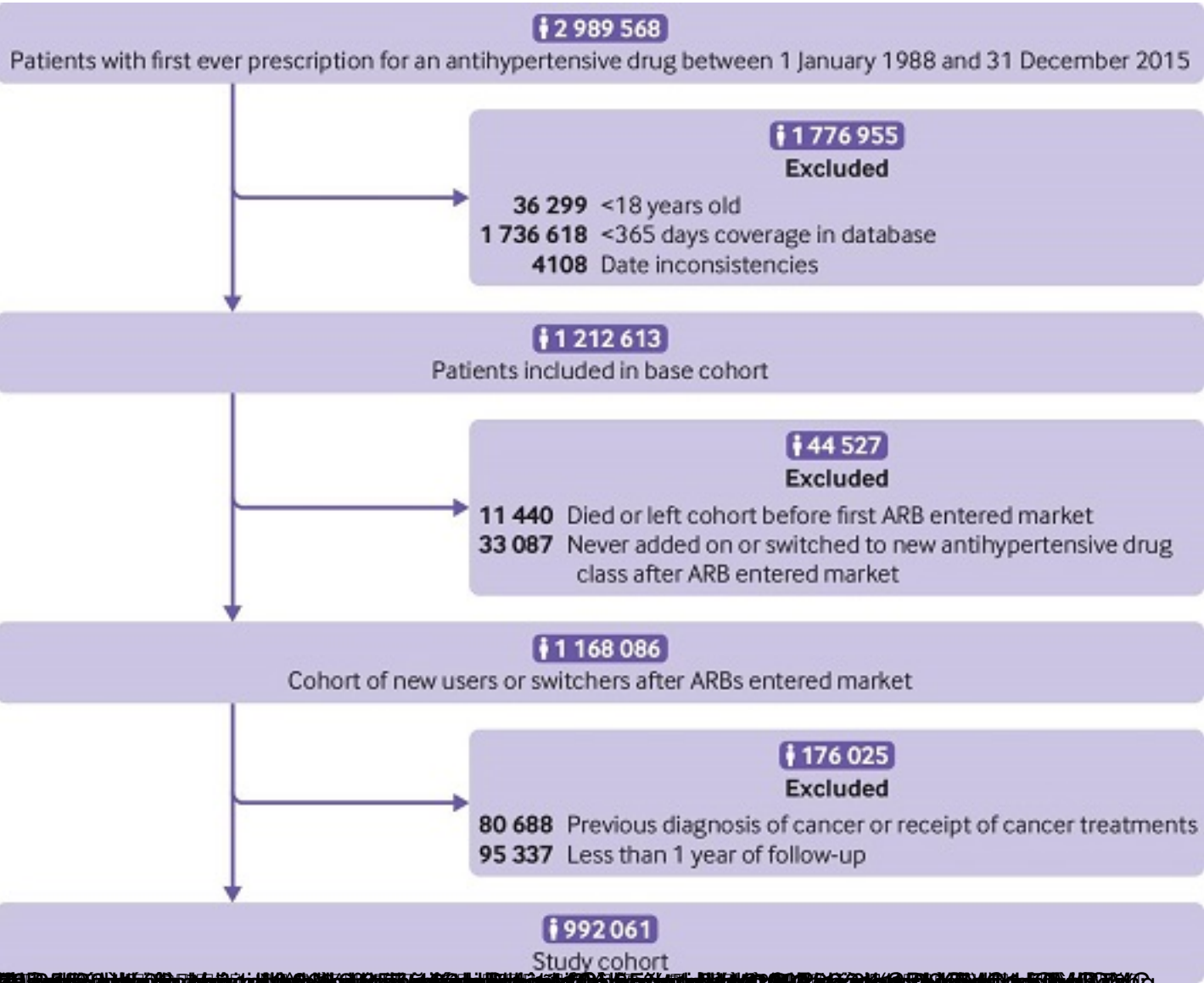


Copyright © 2018. All rights reserved. This document is the property of the Ministry of Health of the Republic of Vietnam. It is not to be distributed outside the Ministry of Health.

Thuốc có thể chuyển đổi từ tăng huyết áp làm tăng nguy cơ ung thư phổi?

Viết bởi Biên tập viên

Thứ bảy, 27 Tháng 10 2018 21:41 - Lần cập nhật cuối Thứ bảy, 27 Tháng 10 2018 21:49



Thuốc c c ch men chuy n đi u tr tăng huyết áp làm tăng nguy cơ ung thư phổi?

Viết bởi Biên tập viên

Thứ bảy, 27 Tháng 10 2018 21:41 - Lần cập nhật cuối Thứ bảy, 27 Tháng 10 2018 21:49

Table 2 Crude and adjusted hazard ratios for association between the use of ACEIs and risk of lung cancer

Exposure [*]	Events	Person years	Incidence rate (95% CI) [†]	Hazard ratio (95% CI)		P for trend
				Crude	Adjusted [‡]	
ARBs	266	213 557	1.2 (1.1 to 1.4)	1.00	1.00 (reference)	
ACEIs	3186	1 977 139	1.6 (1.6 to 1.7)	1.32	1.14 (1.01 to 1.29)	
Cumulative duration of ACEI use (years)						
≤5	2084	1 440 232	1.4 (1.4 to 1.5)	1.24	1.10 (0.96 to 1.25)	<0.001
5.1-10	905	457 309	2.0 (1.9 to 2.1)	1.44	1.22 (1.06 to 1.40)	
>10	197	79 598	2.5 (2.1 to 2.8)	1.63	1.31 (1.08 to 1.59)	
Time since first ACEI use (years)						
≤5	1617	1 158 441	1.4 (1.3 to 1.5)	1.24	1.11 (0.97 to 1.27)	<0.001
5.1-10	1155	647 103	1.8 (1.7 to 1.9)	1.33	1.14 (0.99 to 1.30)	
>10	414	171 596	2.4 (2.2 to 2.7)	1.62	1.29 (1.10 to 1.51)	